ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỆ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP CHÍNH QUY NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC KỲ I

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	SỐ LƯỢNG	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
		Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
		Từ	04/10/2021	11/10/2021	18/10/2021	25/10/2021	1/11/1021	08/11/2021	15/11/2021	22/11/2021	29/11/2021	06/12/2021	13/12/2021	20/12/2021	27/12/2021	03/01/2022	10/01/2022	17/1/2022
		Đến	10/10/2021	17/10/2021	24/10/2021	31/10/2021	07/11/2021	14/11/2021	21/11/2021	28/11/2021	05/12/2021	12/12/2021	19/12/2021	26/12/2021	02/01/2022	09/01/2022	16/01/2022	23/01/2022
			SHCD						T7 (20/11)						T7 (1/1)	CN (9/1)		
1	CAO ĐẲNG HỘ SINH KHÓA VII (216CH07)	2	SHCD đầu khóa	Giáo dục thể chất II (5,55); Tiếng Anh V (45,75);						GDQP - An ninh III (40,35);		Tiếng Anh V (45,75); Giáo dục chính trị IV (45,30); Tin học III (15,60)						Thi kết thúc môn học
2	CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG KHÓA XV (216CF15)	113		Giáo dục thể chất II (5,55); Tiếng Anh V (45,75);								Tiếng Anh V (45,75); Giáo dục chính trị IV (45,30); Tin học III (15,60)						Thi kết thúc môn học
3	CAO ĐẲNG DƯỢC KHÓA XI (216CD11)	110		Tin học III (15,60); Giáo dục chính trị IV (45,30); Pháp luật (30,0) II								Tin học III (15,60); Giáo dục chính trị IV (45,30); Pháp luật (30,0) II						Thi kết thúc môn học
4	CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG KHÓA XIII	70	SHCD cuối khóa	CSSKTT-PHCN III (30,45) CSNBHSTC Nội khoa VI (45,135); CSNB Ngộ độc II (30,45); CSK CĐ (0,90)						CSSKTT-PHCN III (30,45); CSNB Ngộ độc II (30,45) CSNBHSTC Nội khoa VI (45,135)								
5	CAO ĐẲNG DƯỢC KHÓA IX	93		Kiểm nghiệm thuốc IV (30,60); Kinh tế dược II (15,30); Dược lâm sàng V (45,90)										Ôn thi và thi kết thúc môn học				
6	CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG KHÓA XIV	82	Sức khỏe-MT-VS II (30,0); Tiếng anh CN II (30,0); Điều dưỡng cơ sở V (30,90)	Thi kết thúc môn học	Dịch tễ học BTN II (30,0);SK-NCSK-HVCN II (15,30); Giáo tiếp-GDSK-THĐD III (30,30)			Thi kết thúc môn học	Kiểm soát NK II (15,30); TCYT-ĐDNN II (30,0)									
7	CAO ĐẲNG HỘ SINH KHÓA VI	5	Sức khỏe-MT-VS II (30,0); Tiếng anh CN II (30,0); Điều dưỡng cơ sở V (30,90)	Thi kết thúc môn học	Dịch tễ học BTN II (30,0);SK-NCSK-HVCN III (30,30); Dân số KHH GĐ VI (30,30,135)			Thi kết thúc môn học	Kiểm soát NK II (15,30); TCYT-ĐDNN II (30,0)									
8	CAO ĐẲNG DƯỢC KHÓA X	139		Hóa phân tích III (30,30); TCYT-ĐĐHND II (30,0); Hóa dược IV (45,30)										Thi kết thúc môn học				
9	Y SĨ KHÓA XIII	22	LS ĐDCB-KTĐD II (0,90)				LS nội khoa IV (0,180)											
			Sức khỏe trẻ em V (75,0); Y học cổ truyền III (30,30); Bệnh TNXH V (75,0); QL-TCYT II (30,0); Tâm lý-GDSK II (30,30)															
10	Y SĨ ĐA KHOA KHÓA XIV (215CY14)	21	Sinh hoạt công dân đầu khóa	Giáo dục thể chất I (5,25); Anh văn IV (30,60); Tin học II (15,30);						GDQP-AN II (24,21)		Giải phẫu - sinh lý V (60,30); Pháp luật I (15,0);						

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	SỐ LƯỢNG	17	18	19	20	21	22
		Tuần	17	18	19	20	21	22
		Từ	24/01/2022	31/01/2022	07/02/2022	14/02/2022	21/02/2022	28/02/2022	07/03/2022	14/03/2022
		Đến	30/01/2022	06/02/2022	13/02/2022	20/02/2022	27/02/2022	06/03/2022	13/03/2022	20/03/2022
			Nghỉ tết							
1	CAO ĐẲNG HỘ SINH KHÓA VII (216CH07)	2	TẾT NGUYÊN ĐÁN		Tin học III (15,60); Pháp luật II (30,0); Giải phẫu sinh lý V (56,30); Thi kết thúc môn học					
2	CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG KHÓA XV (216CF15)	113			Tin học III (15,60); Pháp luật II (30,0); Giải phẫu sinh lý V (56,30); Thi kết thúc môn học					
3	CAO ĐẲNG DƯỢC KHÓA XI (216CD11)	110			Giáo dục thể chất II (5,55); Tiếng Anh V (45,75); Hóa sinh II (30,0)		Thi kết thúc môn học		Tiếng anh V (45,75); Giải phẫu sinh lý IV (45,30); Thực hành dược cơ bản II (0,60)	
4	CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG KHÓA XIII	70			CSSKTT-PHCN III (30,45); CSNB Ngộ độc II (30,45) CSNBHSTC Nội khoa VI (45,135)	Ôn thi LS	Thi kết thúc môn học	Chăm sóc giảm nhẹ IV (30,90); QLĐD-NCKH IV (30,60)		
5	CAO ĐẲNG DƯỢC KHÓA IX	93			Quản lý tồn trữ thuốc III (15,90); ĐB CLT II (15,30); Phát triển KN TDV chuyên nghiệp III (0,135)					
6	CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG KHÓA XIV	82			Thi kết thúc môn học	CSSKNB Nội khoa VI (45,135); CSSKNB Ngoại khoa VI (45,135)			CSSKNB Nội khoa VI (45,135); CSSKNB Ngoại khoa VI (45,135)	
7	CAO ĐẲNG HỘ SINH KHÓA VI	5			Thi kết thúc môn học	Dân số KHH GĐ VI (30,30,135)				
8	CAO ĐẲNG DƯỢC KHÓA X	139			Thi kết thúc môn học	Quản trị kinh doanh dược II (30,0); Dược liệu V (30,90); Bào chế IV (30,60)				
9	Y SĨ KHÓA XIII	22			LS ngoại khoa IV (0,180)					
					YTCĐIII (30,30)	Bệnh chuyên khoa IV (60,0)				
10	Y SĨ ĐA KHOA KHÓA XIV (215CY14)	21			Kỹ năng giao tiếp II (30,0); Dược lý III (30,30)				Bệnh học Nội khoa V (75,0); ĐDCB và kỹ thuật Điều dưỡng III (30,30)	

HỌC KỲ II

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	SỐ LƯỢNG	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
		Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
		Từ	21/03/2022	28/03/2022	04/04/2022	11/04/2022	18/04/2022	25/04/2022	02/05/2022	09/05/2022	16/05/2022	23/05/2022	30/05/2022	06/06/2022	13/06/2022	20/06/2022	27/06/2022	04/07/2022	11/07/2022	18/07/2022	25/07/2022	01/08/2022	08/08/2022	15/08/2022	22/08/2022
		Đến	27/03/2022	03/04/2022	10/04/2022	17/04/2022	24/04/2022	01/05/2022	08/05/2022	15/05/2022	22/05/2022	29/05/2022	05/06/2022	12/06/2022	19/06/2022	26/06/2022	03/07/2022	10/07/2022	17/07/2022	24/07/2022	31/07/2022	07/08/2022	14/08/2022	21/08/2022	28/08/2022
							CN (Giỗ Tổ)	T7, CN (30/4, 01/5)																
1	CAO ĐẲNG HỘ SINH KHÓA VII (216CH07)	2	Giải phẫu sinh lý V (60,30); Hóa sinh II (30,0); Sinh lý bệnh II (30,0)				VSV-KST II (30,0); Điều dưỡng cơ sở V (30,90); Dược lý II (30,0)		Điều dưỡng cơ sở V (30,90); SK-NCSK-HVCN II (15,30); SK-MTVS II (30,0)														Thi kết thúc môn học	Dự trữ
2	CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG KHÓA XV (216CF15)	113	Giải phẫu sinh lý V (60,30); Hóa sinh II (30,0); Sinh lý bệnh II (30,0)				VSV-KST II (30,0); Điều dưỡng cơ sở V (30,90); Dược lý II (30,0)		Điều dưỡng cơ sở V (30,90); SK-NCSK-HVCN II (15,30); SK-MTVS II (30,0)														Thi kết thúc môn học	Dự trữ
3	CAO ĐẲNG DƯỢC KHÓA XI (216CD11)	110						Giải phẫu sinh lý IV (45,30); Vi sinh-ký sinh trùng II (30,0); Thực hành dược cơ bản II (0,60); Hóa đại cương vô cơ III (30,30)				Hóa đại cương vô cơ III (30,30); Tổ chức y tế và Đạo đức nghề nghiệp II (30,0)											Thi kết thúc môn học	Dự trữ
4	CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG KHÓA XIII	70	Chăm sóc giảm nhẹ IV (30,90); QLĐD-NCKH IV (30,60)			Ôn thi LS	Thi kết thúc môn học	Xét điều kiện đi TTN	Thực tế ngành V (0,225)										Ôn thi và Thi TTN					
5	CAO ĐẲNG DƯỢC KHÓA IX	93	Thi kết thúc môn học	Thực tập cơ sở V (0,225)				Xét điều kiện đi TTN	Thực tập tốt nghiệp VI (0,270)					THI TTTN	Dự trữ	KẾT THÚC KHÓA HỌC, LÂM THỦ TỤC XÉT TỐT NGHIỆP								
6	CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG KHÓA XIV	82	CSSKNB Nội khoa VI (45,135); CSSKNB Ngoại khoa VI (45,135)				CSSKNB Nội khoa VI (45,135); CSSKNB Ngoại khoa VI (45,135); CSNB truyền nhiễm III (30,45); Chăm sóc sức khỏe trẻ em IV (30,90); CSSK PN, BM, GĐ III (15,30,45)				CSNB truyền nhiễm III (30,45); Chăm sóc sức khỏe trẻ em IV (30,90); CSSK PN, BM, GĐ III (15,30,45); Ôn thi và thi kết thúc môn				Thi kết thúc môn học	NGHỈ HÈ / HỌC KỲ PHỤ								
7	CAO ĐẲNG HỘ SINH KHÓA VI	5	CSSKSS vị thành niên-nam học IV (30,30,45); CSSKSS Phụ nữ III (30,45)		Thi kết thúc môn học	CSSKSS Phụ nữ III (30,45); CSSKTN III (15,30,45); CSSK Thai bệnh lý V (30,30,90)			CSSK Thai bệnh lý V (30,30,90); Ôn thi và thi kết thúc môn			Thi kết thúc môn học	Dự trữ			NGHỈ HÈ / HỌC KỲ PHỤ								
8	CAO ĐẲNG DƯỢC KHÓA X	139	Bào chế IV (30,60); Marketing dược-KNGTBH III (30,30); Dược lý VI (60,60)										Thi kết thúc môn học	Dự trữ		NGHỈ HÈ / HỌC KỲ PHỤ								
9	Y SĨ KHÓA XIII	22	LS Sản phụ khoa II (0,90)			LS Nhi khoa IV (0,180)			LS truyền nhiễm II (0,90)		Thi kết thúc môn học	LS Y học cổ truyền II (0,90)		TTCĐ II (0,90)		Thi kết thúc môn học	TT tốt nghiệp V (0,225)							Ôn thi và thi TN
			Phục hồi chức năng II (30,0)																					
10	Y SĨ ĐA KHOA KHÓA XIV (215CY14)	21	Dược lý III (30,30); DD-VSATTP II (30,0) Vệ sinh phòng bệnh II (30,0)		Thi kết thúc môn học	Lâm sàng ĐDCB và kỹ thuật Điều dưỡng II (0,90); Bệnh học Ngoại khoa IV (60,0)			Lâm sàng vòng 1 Nội khoa II (0,90); Ngoại khoa II (0,90); Sức khỏe sinh sản V (60,30);									Thi kết thúc môn học	Dự trữ						

Bạc Liêu, ngày tháng năm 20

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

LẬP BẢNG